

Bản số: 07/2020/HNGS-ST

Ngày 16-3-2020

V/v "**Tranh chấp**

hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Nguyễn Văn Kiểm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1983 (có mặt)*

Nơi ĐKKHTT: Thôn Ngo 2, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện trú tại: Thôn Ngo 1, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh Hg Văn H, sinh năm 1979 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Ngo 2, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09/10/2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị và anh Hg Văn H kết hôn ngày 08/6/2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lam Cốt, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về C sống với nhau ngay ở thôn Ngo 2, xã Lam Cốt. Vợ chồng C sống với nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói C, không còn tình cảm. Tháng 01/2019 thì hai vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H.

Về con C: Vợ chồng có 02 con C là cháu Hg Văn Thành, sinh ngày 06/4/2004 và cháu Hg Quốc Đạt, sinh ngày 18/3/2011. Hiện hai con C đang ở với anh H. Ly hôn chỉ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản C, nghĩa vụ C về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở C: Vợ chồng chỉ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H. Về con C; Về tài sản C, tài sản riêng, nghĩa vụ C về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở C: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Hg Văn H là bị đơn trong vụ án tại bản tự khai ngày 25/10/2019 anh H khai:

Anh và chị C kết hôn năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lam Cốt. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng C sống ở thôn Ngo 2, xã Lam Cốt. Vợ chồng C sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là do chị C đi miền Nam về, về nhà ngoại ở chứ không về nhà. Từ đầu năm 2019 vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị C. Về con C: Anh xác định vợ chồng có hai con C là cháu Hg Văn Thành, sinh năm 2004 và cháu Hg Quốc Đạt, sinh năm 2011. Nguyên vọng của anh là được nuôi con. Về tài sản C: Vợ chồng không có. Về nghĩa vụ C về tài sản; Về công sức đóng góp trong thời gian ở C anh yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh H vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay anh Hg Văn H vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh Hg Văn H không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Hg Văn H.

Về con C: Giao cho anh Hg Văn H tiếp tục nuôi dưỡng hai con C là Hg Văn Thành, sinh ngày 06/4/2004 và Hg Quốc Đạt, sinh ngày 18/3/2011. Vấn đề cấp dưỡng anh H không có yêu cầu, không đặt ra xem xét.

Về tài sản C, tài sản riêng, nghĩa vụ C về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở C: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị C và anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Hg Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Hg Văn H.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị C và anh Hg Văn H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lam Cốt, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy chị C và anh H sau khi về C sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói C. Vợ chồng chị C, anh H đã ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay chị C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với anh H. Tại bản tự khai anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị C. Qua xác minh ở địa phương cũng thể hiện năm 2019 chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Ngo 1 sinh sống và chị C, anh H ly thân nhau từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau, cả chị C và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh H đã trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con C: Chị C và anh H đều xác định vợ chồng có hai con C là Hg Văn Thành và Hg Quốc Đạt. Chị C không yêu cầu giải quyết về con C, anh H yêu cầu giải quyết về con C, nhận nuôi hai con C. Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai hai con C là cháu Thành, cháu Đạt đều nguyện vọng ở với bố, chị C khai hiện tại hai con C đang ở với anh H phát triển bình thường và đủ điều kiện học hành, anh H đi làm công ty có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, anh H tại bản tự khai có nguyện vọng nuôi con C, chị C nhất trí với yêu cầu nuôi con của anh H. Tại biên bản xác minh với địa phương cũng khẳng định anh H đi làm công ty, thu nhập bình quân một tháng khoảng 5-6 triệu, đảm bảo điều kiện nuôi con. Nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con C của anh H và giao cháu Thành, cháu Đạt cho anh H tiếp tục trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 của

Luật Hôn nhân gia đình. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con C mà không ai được cản trở chị C thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Vấn đề cấp dưỡng nuôi con C: Do anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản C, tài sản riêng, nghĩa vụ C của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở C: Về phía anh H tại bản tự khai anh H có ý kiến về giải quyết nghĩa vụ C về tài sản và công sức đóng góp trong thời gian ở C nhưng Tòa án đã thông báo cho anh H về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, ra quyết định yêu cầu anh H kê chi tiết cụ thể yêu cầu và phải làm đơn yêu cầu nộp cho Tòa án đề nghị giải quyết, yêu cầu anh H cung cấp tài liệu chứng cứ về việc yêu cầu của mình nhưng anh H không có đơn yêu cầu nộp cho Tòa án, không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình. Mặt khác, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Hg Văn H.

[2] Về con C: Giao cho anh Hg Văn H tiếp tục nuôi dưỡng hai con C là Hg Văn Thành, sinh ngày 06/4/2004 và Hg Quốc Đạt, sinh ngày 18/3/2011. Chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con C cho anh H.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con C mà không ai được cản trở chị C thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

[3] Về tài sản C, tài sản riêng, nghĩa vụ C của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở C: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0006026 ngày 21/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Lam Cốt;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân